

Số: 151/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính; Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 quy định về hóa đơn, chứng từ; Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ;

Căn cứ Thông tư số 113/2025/TT-BTC ngày 09/12/2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 178/2011/TT-BTC ngày 08/12/2011 về việc tạo, phát hành, sử dụng và quản lý biên lai thu thuế và phí hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ chuyển phát nhanh đường hàng không quốc tế;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, 05 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính .

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký .

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính tại: Số thứ tự 2, 3, 4 điểm B mục 4 phần I ban hành kèm theo Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; số thứ tự 2 điểm C mục 2 phần I ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; số thứ tự 4, 6 mục 1 phần I phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1913/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Điều 3.** Cục trưởng Cục Hải quan, Chánh Văn phòng Bộ, Chi cục trưởng các Chi cục Hải quan khu vực, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Website Bộ Tài chính;
- Website Cục Hải quan;
- Lưu: VT, CHQ (3.b).



**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỦ TRƯỞNG**

**★ Nguyễn Đức Chi**

## Phụ lục

# THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ LĨNH VỰC HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số 151/QĐ-BTC ngày 27 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính)

## PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

### 1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC <sup>(1)</sup>	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
<b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
1	1.007662	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu	Hải quan	Chi cục Hải quan khu vực, Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	Số thứ tự 2 điểm B mục 2 phần I ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

### 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC <sup>(1)</sup>	Tên TTHC bị bãi bỏ	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ công bố TTHC bị bãi bỏ
<b>A. Thủ tục hành chính cấp trung ương</b>					
1	1.007905	Thông báo phát hành biên lai	Hải quan	Chi cục Hải quan khu vực	Số thứ tự 2 điểm B mục 4 phần I ban hành kèm theo Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
2	1.007906	Thông báo kết quả hủy biên lai	Hải quan	Chi cục Hải quan khu vực	Số thứ tự 3 điểm B mục 4 phần I ban hành kèm theo Quyết định số 2770/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
3	1.007908	Kiểm tra việc in, phát hành, quản lý và sử dụng biên lai	Hải quan	Chi cục Hải quan khu vực	Số thứ tự 4 điểm B mục 4 phần I ban hành kèm theo Quyết

					định số 2770/QĐ-BTC ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4	1.013656	Báo cáo tình hình sử dụng Biên lai thu thuế, phí, lệ phí	Hải quan	Chi Cục Hải quan khu vực; Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	Số thứ tự 4 mục 1 phần I phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1913/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
5	1.013658	Báo cáo biên lai đặt in, tự in trong trường hợp mất, cháy, hỏng	Hải quan	Chi Cục Hải quan khu vực; Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	Số thứ tự 6 mục 1 phần I phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1913/QĐ-BTC ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính
6	1.007661	Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trong thông quan thuộc thẩm quyền của Chi cục Hải quan	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	Số thứ tự 2 điểm C mục 2 phần I ban hành kèm theo Quyết định số 764/QĐ-BTC ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*ba*

## **PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

### **1. Thủ tục giảm thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu**

#### ***1.1. Trình tự thực hiện***

- Bước 1: Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan sau/tạithời điểm làm thủ tục hải quan.

- Bước 2:

+ Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan sau thời điểm làm thủ tục hải quan

Chi cục Hải quan khu vực kiểm tra thông tin, thẩm định tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ và quyết định giảm thuế hoặc thông báo cho người nộp thuế biết lý do không thuộc đối tượng giảm thuế, số tiền thuế phải nộp.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, cơ quan hải quan thông báo cho người nộp thuế trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp cần kiểm tra thực tế đối với hàng hóa đã qua khu vực giám sát hải quan để có đủ căn cứ giải quyết giảm thuế thì ban hành quyết định kiểm tra sau thông quan tại trụ sở người nộp thuế và thực hiện các công việc quy định tại điểm này trong thời hạn tối đa là 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

+ Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan tại thời điểm làm thủ tục hải quan

Cơ quan hải quan nơi làm thủ tục tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ; kiểm tra thực tế hàng hóa bị thiệt hại; kiểm tra điều kiện giảm thuế; thực hiện giảm thuế trong thời hạn làm thủ tục hải quan hoặc thông báo lý do không thuộc đối tượng giảm thuế trong thời hạn làm thủ tục hải quan hoặc thông báo lý do không thuộc đối tượng giảm.

#### ***1.2. Cách thức thực hiện***

- Nộp trực tiếp tại cơ quan hải quan.

- Nộp bằng đường bưu chính.

- Nộp qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan.

#### ***1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ***

##### ***1.3.1 Thành phần hồ sơ***

- Công văn đề nghị giảm thuế của người nộp thuế gửi qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử của cơ quan hải quan theo các tiêu chí thông tin tại Mẫu số 3 Phụ lục VIIa hoặc công văn đề nghị giảm thuế theo Mẫu số 08 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP: 01 bản chính;

- Hợp đồng bảo hiểm, thông báo trả tiền bồi thường của tổ chức nhận bảo

hiểm (nếu có), trường hợp hợp đồng bảo hiểm không bao gồm nội dung bồi thường về thuế phải có xác nhận của tổ chức bảo hiểm; hợp đồng hoặc biên bản thỏa thuận đền bù của hãng vận tải đối với trường hợp tổn thất do hãng vận tải gây ra (nếu có): 01 bản chụp;

- Biên bản xác nhận nguyên nhân thiệt hại của cơ quan chức năng tại địa bàn nơi phát sinh thiệt hại (biên bản xác nhận vụ cháy của cơ quan cảnh sát phòng cháy chữa cháy của địa phương nơi xảy ra vụ cháy; văn bản xác nhận của một trong các cơ quan, tổ chức có liên quan sau: Cơ quan Công an xã, phường, thị trấn; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; Ban quản lý khu công nghiệp; Ban quản lý khu chế xuất; Ban quản lý khu kinh tế; Ban quản lý cửa khẩu; Cảng vụ hàng hải; Cảng vụ hàng không nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng về thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, tai nạn bất ngờ gây thiệt hại cho nguyên liệu, máy móc, thiết bị nhập khẩu); 01 bản chính.

- Giấy chứng nhận giám định của thương nhân kinh doanh dịch vụ giám định về số lượng hàng hóa bị mất mát hoặc tỷ lệ tổn thất thực tế của hàng hóa: 01 bản chính.

### **1.3.2 Số lượng hồ sơ:** 01 bộ

### **1.4. Thời hạn giải quyết:**

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan sau thời điểm làm thủ tục hải quan

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tiếp nhận đầy đủ hồ sơ, Chi cục Hải quan khu vực kiểm tra thông tin, thẩm định tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ và quyết định giảm thuế hoặc thông báo cho người nộp thuế biết lý do không thuộc đối tượng giảm thuế, số tiền thuế phải nộp.

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan tại thời điểm làm thủ tục hải quan

Thực hiện giảm thuế trong thời hạn làm thủ tục hải quan theo quy định tại Điều 23 Luật hải quan. Sau khi người khai hải quan thực hiện đầy đủ các yêu cầu để làm thủ tục hải quan, thời hạn công chức hải quan hoàn thành kiểm tra hồ sơ và kiểm tra thực tế hàng hóa, phương tiện vận tải được quy định như sau:

a) Hoàn thành việc kiểm tra hồ sơ chậm nhất là 02 (hai) giờ làm việc kể từ thời điểm cơ quan hải quan tiếp nhận đầy đủ hồ sơ hải quan;

b) Hoàn thành việc kiểm tra thực tế hàng hóa chậm nhất là 08 (tám) giờ làm việc kể từ thời điểm người khai hải quan xuất trình đầy đủ hàng hóa cho cơ quan hải quan. Trường hợp hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành về chất lượng, y tế, văn hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật có liên quan thì thời hạn hoàn thành kiểm tra thực tế hàng hóa được tính từ thời điểm nhận được kết quả kiểm tra chuyên ngành theo quy định.

Trường hợp lô hàng có số lượng lớn, nhiều chủng loại hoặc việc kiểm tra phức tạp thì Thủ trưởng cơ quan hải quan nơi làm thủ tục hải quan quyết định việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế hàng hóa, nhưng thời gian gia hạn tối đa không

quá 02 ngày;

Cơ quan hải quan thực hiện thủ tục hải quan đối với hàng hóa vào ngày lễ, ngày nghỉ và ngoài giờ làm việc để bảo đảm kịp thời việc xếp dỡ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, việc xuất cảnh, nhập cảnh của hành khách, phương tiện vận tải hoặc trên cơ sở đề nghị của người khai hải quan và phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn hoạt động hải quan.

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan hải quan thực hiện giảm thuế hoặc thông báo cho người nộp thuế lý do không thuộc diện được giảm thuế.

**1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan sau thời điểm làm thủ tục hải quan: Chi cục Hải quan khu vực.

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan tại thời điểm làm thủ tục hải quan: Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu.

**1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan sau thời điểm làm thủ tục hải quan:

Quyết định của Chi Cục trưởng Chi Cục Hải quan khu vực về việc giảm thuế đối với hàng hóa xuất khẩu/nhập khẩu hoặc thông báo lý do không thuộc đối tượng giảm thuế cho người nộp thuế biết.

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan tại thời điểm làm thủ tục hải quan: Cơ quan hải quan thực hiện giảm thuế trong thời hạn làm thủ tục hải quan hoặc thông báo lý do không thuộc đối tượng giảm thuế cho người nộp thuế biết.

**1.8. Phí, lệ phí:** Không.

**1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan sau thời điểm làm thủ tục hải quan:

+ Công văn đề nghị giảm thuế xuất khẩu, nhập khẩu mẫu số 08 tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

+ Các chỉ tiêu thông tin theo Mẫu số 3 Phụ lục VIIa ban hành kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan tại thời điểm làm thủ tục hải quan: Công văn đề nghị giảm thuế xuất khẩu, nhập khẩu mẫu số 08 tại Phụ lục VII ban hành

kèm theo Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

### ***1.10. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính***

- Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đang trong quá trình giám sát của cơ quan hải quan theo quy định tại Luật hải quan năm 2014 và các văn bản hướng dẫn thi hành, nếu bị hư hỏng, mất mát do nguyên nhân khách quan được giảm thuế theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan sau thời điểm làm thủ tục hải quan: Người nộp thuế nộp hồ sơ giảm thuế cho Chi cục Hải quan khu vực sau thời điểm làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 32 Nghị định 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP.

- Đối với trường hợp Người nộp thuế nộp hồ sơ đề nghị giảm thuế đến cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục hải quan tại thời điểm làm thủ tục hải quan: Người nộp thuế nộp hồ sơ giảm thuế cho Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu tại thời điểm làm thủ tục hải quan theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 32 Nghị định 134/2016/NĐ-CP.

### ***1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính***

- Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13.

- Luật hải quan số 54/2014/QH13.

- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan và thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

- Điều 32 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.

- Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/09/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.



TÊN TỔ CHỨC <sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm ...

Số: .../...

V/v Đề nghị giảm thuế xuất  
khẩu/nhập khẩuKính gửi: .....<sup>(2)</sup>

1. Tên tổ chức/cá nhân: ...
2. Mã số thuế: ...  
CMND/Căn cước công dân/Hộ chiếu số: ... Ngày cấp: .../.../...  
Nơi cấp: ... Quốc tịch: ...  
Số điện thoại: ... số Fax:...
3. Địa chỉ trụ sở: ...
4. Nội dung đề nghị: ...
5. Lý do đề nghị giảm thuế:...<sup>(3)</sup>
6. Thông tin về tiền thuế đề nghị giảm:

STT	Tên hàng, quy cách, phẩm chất	Số, ngày tờ khai hải quan	Đơn vị tính	Số lượng hàng hóa theo tờ khai hải quan	Trị giá tính thuế	Tỷ lệ tổn thất	Loại thuế	Số tiền thuế phải nộp (VNĐ)	Số tiền thuế đề nghị giảm (VNĐ)
<b>Tổng cộng</b>									

Tổng số tiền thuế đề nghị giảm bằng chữ:...

Hồ sơ, tài liệu kèm theo ...<sup>(4)</sup>

Tổ chức/cá nhân... cam đoan nội dung khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(hoặc người được ủy quyền)  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Ghi chú:**

- (1) Đối với cá nhân: Bỏ trống.
- (2) Tên cơ quan hải quan tiếp nhận hồ sơ giảm thuế.
- (3) Ghi rõ lý do và điều, khoản văn bản quy phạm pháp luật áp dụng.
- (4) Liệt kê tên loại tài liệu kèm theo.

Luo